

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày 25/10/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Lệ Oanh.

Ông Vũ Thanh Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc Thị Mỹ D, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số T, đường Ph, khu phố M, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ M, khu phố M, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1987. (có mặt)

- Bà Khuru Thị Ánh T, sinh năm 1994. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ H, Khu phố T, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bày: Vào năm 2017 ông Lê Văn H có làm thuê cho bà D, ông H chạy tài công

ghe đánh bắt hải sản do bà D làm chủ. Ông H cùng vợ bà T có vay của bà D số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) để mua nhà đất ở. Trong quá trình đi ghe ông H, bà T có mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng). Tổng cộng ông H, bà T nợ bà D số tiền 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng), khi cho mượn không thỏa thuận lãi và thời hạn trả vì ông H đi ghe cho bà. Đến đầu năm 2021 do ghe không còn hoạt động nữa nên bà D cho ông H nghỉ việc và yêu cầu thanh toán lại số tiền đã vay nhưng ông H, bà T không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà T thanh toán số tiền đã vay của bà D là tiền 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 27/3/2021 cho đến khi xét xử xong vụ án.

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày: Vào năm 2015 ông có đi ghe cho bà D và có mượn bà D số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) để mua nhà đất ở, số tiền 170.000.000 đồng ông mượn nhiều lần mỗi vài triệu đồng để trang trải cuộc sống hàng ngày. Nay bà D yêu cầu trả 1 lần hết số nợ ông không có đủ khả năng thanh toán. Nếu ông bán được nhà đất ông sẽ thanh toán cho bà D số tiền 200.000.000 đồng, còn số tiền 170.000.000 đồng ông yêu cầu trả hàng tháng. Ông không đồng ý trả lãi cho bà D vì trước đây cho mượn không thỏa thuận lãi và bà D cho ông nghỉ việc mà không báo trước cũng không có lý do, ghe bà D hiện nay vẫn hoạt động và cho người khác đi, ông không có việc làm nên không thể trả tiền như bà D yêu cầu.

Bị đơn bà Khuru Thị Ánh T trình bày: Vào năm 2015, chồng bà là ông H có đi ghe cho bà D và có mượn bà D số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) để mua nhà đất ở, số tiền 170.000.000 đồng mượn nhiều lần mỗi lần mượn vài triệu để tiêu xài trong gia đình. Sau này bà D cho ông H nghỉ việc nên không thể trả nợ cho bà D. Về yêu cầu tính lãi bà không đồng ý trả lãi cho bà D vì trước đây bà D cho vay không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong vụ án này bị đơn ông Lê Văn H, bà Khuru Thị Ánh T cư trú tại Khu phố T, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung: Hai bên đều thống nhất là ông Lê Văn H đi tài công ghe cho bà D làm chủ, trong quá trình đi ghe ông H và vợ là bà Khuru Thị Ánh T cần tiền mua nhà đất để ở vì vậy bà D cho ông H bà T vay 200.000.000 đồng để mua nhà

đất không tính lãi, không thời hạn. Ngoài ra, trong thời gian đi ghe ông H, bà T có vay thêm tiền để sinh sống hàng ngày làm nhiều lần với số tiền là 170.000.000 đồng. Đến tháng 01/2021, do ghe không còn hoạt động bà D, ông H tính toán lại sổ sách thì ông H, bà T có nợ bà D tổng số tiền là 370.000.000 đồng ông H ký giấy nhận nợ vào ngày 27/02/2021, do không còn đi ghe nên bà D yêu cầu ông H bà T trả lại số tiền đã vay nhưng ông H bà T không thanh toán nên phát sinh tranh chấp.

[3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền bà D yêu cầu ông H, bà T thanh toán cho bà D số tiền trên và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định từ ngày 27/3/2021 (sau một tháng kể từ ngày chốt sổ tiền vay) cho đến khi xét xử xong vụ án. Theo Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về **Thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn** “1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...”. Do đó, việc bà D yêu cầu ông H, bà T thanh toán nợ cho bà là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về **Nghĩa vụ trả nợ của bên vay**: “4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Bà D yêu cầu tính lãi chậm trả sau 1 tháng kể từ ngày yêu cầu ông H, bà T thanh toán nợ, do ông H, bà T không thanh toán số nợ cho bà D nên việc bà D yêu cầu tính lãi là có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi của khoản vay được tính như sau: Từ ngày 27/3/2021 đến ngày 25/10/2021 là 06 tháng 28 ngày x 370.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) = 21.292.267 đồng. Tổng cộng gốc và lãi mà ông H, bà T phải thanh toán cho bà D là 391.292.267 đồng.

[4] Nghị cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Thị Mỹ D buộc ông Lê Văn H, bà Khuru Thị Ánh T thanh toán cho bà D số tiền 391.292.267 đồng (Ba trăm chín mươi một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó vốn gốc là 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng), tiền lãi là 21.292.267 đồng (hai mươi một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng).

[5] Về án phí: Ông Lê Văn H, bà Khuru Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thanh toán cho bà D.

Bồi các lễ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Buộc ông Lê Văn H và bà Khuru Thị Ánh T phải thanh toán cho bà Huỳnh Ngọc Thị Mỹ D số tiền 391.292.267 đồng (Ba trăm chín mươi một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó vốn gốc là 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng), tiền lãi là 21.292.267 đồng (hai mươi một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Lê Văn H và bà Khuru Thị Ánh T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 19.564.613 đồng (Mười chín triệu năm trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm mười ba đồng).

Trả lại bà Huỳnh Ngọc Thị Mỹ D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.250.000 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009323 ngày 22/3/2021 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009364 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp H;
- Chi cục THADS Tp.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành